

生活・就労のための日本語教育機関支援（助成）
プログラム 申請書

Hồ sơ đăng ký Chương trình tài trợ dành cho các cơ quan đào tạo tiếng Nhật
dùng trong đời sống, công việc

A. 申請総表 Thông tin
đăng ký

申請日 Ngày đăng ký	(年 Năm)	(月 Tháng)	(日 Ngày)

1 申請機関 Cơ quan đăng ký

申請機関名 Tên cơ quan			
日本語名 Bằng tiếng Nhật			
英語名 Bằng tiếng Anh			
申請機関 の種別 Loại hình cơ quan	<input type="checkbox"/> 大学 Đại học <input type="checkbox"/> 短期大学 Cao đẳng <input type="checkbox"/> 職業訓練校 Trung cấp nghề <input type="checkbox"/> 送り出し機関 Cơ quan phái cử <input type="checkbox"/> 民間外国語センター Trung tâm ngoại ngữ tư nhân	法的地位 Vị trí pháp lý	<input type="checkbox"/> 教育機関 Cơ quan đào tạo

2 事業実施部門 Bộ phận thực hiện dự án

代表者氏名 Tên người đại diện	<input type="checkbox"/> Prof. <input type="checkbox"/> Dr. <input type="checkbox"/> Mr. <input type="checkbox"/> Ms.		役職 Chức danh	
住所 Địa chỉ				
TEL/FAX	TEL:		FAX:	
E-mail				
事業実施部門 Bộ phận thực hiện dự án				
事業担当者氏名 Tên người phụ trách dự án	<input type="checkbox"/> Prof. <input type="checkbox"/> Dr. <input type="checkbox"/> Mr. <input type="checkbox"/> Ms.		役職 Chức danh	
TEL/FAX	TEL:		FAX:	
E-mail				

3 代表者／事業担当責任者／経理責任者 Người đại diện / Người phụ trách thực hiện dự án / Kế toán

	(1) 代表者 Người đại diện	(2) 事業担当責任者 Người phụ trách thực hiện dự án	(3) 経理責任者 Kế toán
氏 名 Name	<input type="checkbox"/> Prof. <input type="checkbox"/> Dr. <input type="checkbox"/> Mr. <input type="checkbox"/> Ms.	<input type="checkbox"/> Prof. <input type="checkbox"/> Dr. <input type="checkbox"/> Mr. <input type="checkbox"/> Ms.	<input type="checkbox"/> Prof. <input type="checkbox"/> Dr. <input type="checkbox"/> Mr. <input type="checkbox"/> Ms.
役職 Chức danh			
署名 Chữ ký *Bắt buộc ký tay			

※ なお、上記(1)～(3)については同一人物が2つ以上の立場を兼ねることは認められません。また、(1)～(3)の全てを必ず記入してください。未記入の場合は申請を受け付けることができません。
 Không chấp nhận trường hợp một người kiêm nhiệm nhiều hơn 1 vị trí trong các mục (1) đến (3) nêu trên. Vui lòng điền đầy đủ thông tin các mục (1) đến (3). Không chấp nhận đơn đăng ký điền thiếu các mục trên.

B. 申請機関概要 Khái quát về cơ quan đăng ký

以下の書類を添付すること。Vui lòng nộp kèm các giấy tờ sau

- 規約・会則含む団体概要（役員名簿、組織体制図など）
Khái quát về đoàn thể đăng ký, bao gồm quy tắc, điều lệ (danh sách cán bộ nhân viên, sơ đồ cơ cấu tổ chức, v.v.)
- 活動理念、活動内容（実績）等が分かる刊行物等の資料
Các tài liệu thể hiện phương châm hoạt động, nội dung (thành tích) hoạt động
- 今年度の事業計画、収支計画書または活動予算書（日本語講座、コースのカリキュラムと受講料を含む）
Bảng kế hoạch hoạt động, kế hoạch chi tiêu (ngân sách dành cho các hoạt động của năm nay (khung nội dung của khóa học, lớp học tiếng Nhật (bao gồm cả phương pháp đánh giá năng lực sau khóa học) và học phí)
- 日本語教師会に参加している団体については、そのことが分かる書類
Tài liệu thể hiện đang là thành viên của Hội Giáo viên tiếng Nhật (nếu là thành viên)
- 送り出し機関については、自機関で教育を実施していることが分かる書類
Về công ty phái cử, cần có tài liệu chứng minh các hoạt động giáo dục mà phía công ty đó đang thực hiện

1 申請機関における日本語教育、活動の沿革及び現況

Khái quát về tình hình đào tạo tiếng Nhật, quá trình hoạt động và hiện trạng tại cơ quan đăng ký

日本語コースの数 Số lượng chương trình đào tạo tiếng Nhật	日本語講座学生数 Số lượng sinh viên học tiếng Nhật	日本語教師数 (うち、日本人教師数) Tổng số lượng giáo viên tiếng Nhật (trong đó có bao nhiêu giáo viên người Nhật)	
	人	人 người (人 người)	
日本語学科以外で日本語コースを開設している学部（学科）の有無 ※該当がある場合のみ記入 Ngoài bộ môn tiếng Nhật, có khoa/bộ môn nào đang thực hiện chương trình đào tạo tiếng Nhật không? *chỉ điền nếu có	有・無 Có / Không (有りの場合、学部（学科）名と学生数) (Nếu có, vui lòng ghi tên khoa/bộ môn và số lượng sinh viên)	学生の日本語レベル Trình độ tiếng Nhật của sinh viên	
主な受講者（年齢層、学習目的） Đối tượng học viên chính (độ tuổi, mục đích học tập)			
日本語講座の具体的な実施内容、使用日本語教材・カリキュラム等 (コース終了時の能力判定手段を含む) Nội dung thực hiện cụ thể, giáo trình sử dụng, chương trình giảng dạy, v.v. (bao gồm cách thức đánh giá năng lực khi kết thúc chương trình học) của khóa học tiếng Nhật			
過去に基金が行った日本語教師向けのセミナーや研修に参加した実績がある場合、その	セミナー、 研修名 Tên hội thảo hoặc buổi tập huấn		
	実施時期 Thời gian tổ chức		

<p>名称・実施時期・参加者について記載（最大3件記載）</p> <p>Nếu đã từng tham gia hội thảo hoặc buổi tập huấn do Japan Foundation tổ chức, ghi tên hội thảo, thời gian tổ chức và thông tin người tham gia (ghi tối đa 3 sự kiện).</p>	<p>参加者氏名、所属 Tên người tham gia và cơ quan</p>		
<p>日本語学習者の主な進路先（複数回答可）</p> <p>Hướng đi chủ yếu của sinh viên tốt nghiệp (có thể chọn nhiều hơn một)</p>	<p> <input type="checkbox"/> 現地日系企業 Doanh nghiệp Nhật Bản trong nước (%) <input type="checkbox"/> 現地日本語学校 Trường dạy tiếng Nhật trong nước (%) <input type="checkbox"/> 現地送り出し機関 Cơ quan phái cử lao động trong nước (%) <input type="checkbox"/> 現地その他企業 Các doanh nghiệp khác trong nước (%) <input type="checkbox"/> 日本での就労 Làm việc tại Nhật Bản (%) <input type="checkbox"/> 日本以外の外国での就労 Làm việc tại nước ngoài (không phải Nhật Bản) (%) <input type="checkbox"/> 国内外での進学 Học lên cao (cả trong và ngoài nước) (%) <input type="checkbox"/> その他 Khác (%) </p>		
<p>日本へ研修や就労（技能実習など）を目的とした学生（卒業生）の送り出し実績（おおよその人数、目的）</p> <p>※該当がある場合のみ記入</p> <p>Kết quả phái cử sinh viên (bao gồm sinh viên đã tốt nghiệp) sang Nhật với mục đích tập huấn, làm việc (thực tập kỹ năng, v.v.) (số lượng ước chừng, mục đích)</p> <p>*chỉ điền nếu có</p>	<p>2025年 Năm 2025</p>	<p>2024年 Năm 2024</p>	<p>2023年 Năm 2023</p>

2 過去5年間の国際交流基金からの助成実績

Các khoản tài trợ đã nhận từ Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản trong 5 năm trở lại đây (nếu có)

C. 助成金送金口座情報

送金口座について、必ず記入してください。未記入の場合は、申請を受け付けることができません。
Vui lòng điền thông tin tài khoản ngân hàng. Nếu không điền, hồ sơ đăng ký sẽ không được chấp nhận.

1. 送金口座 Tài khoản ngân hàng

- (1) 申請機関は国際交流基金（外国政府関係機関）から助成金を受領することができますか？
 Cơ quan đăng ký có thể nhận tiền tài trợ từ Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (cơ quan có yếu tố chính phủ nước ngoài) hay không? ☐ はい／Có ☐ いいえ／Không

- (2) 本助成を受けるには、国際交流基金が申請機関の銀行口座に直接助成金を送金できることが必要です。
 直接助成金を入金できる口座がありますか？

Để nhận tiền tài trợ, cơ quan đăng ký cần có tài khoản ngân hàng mà Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản có thể chuyển tiền trực tiếp. Cơ quan đăng ký có tài khoản có thể trực tiếp nhận tiền tài trợ không?

☐ はい。Có

⇒下の口座情報を記入してください。Vui lòng điền thông tin tài khoản vào bảng dưới.

☐ いいえ。Không

⇒口座を開設できない理由を下記より選択し、述べてください。Vui lòng chọn lý do.

☐ 申請機関は法人格がないため、個人名の口座は開設できるが、機関としての口座が開設できないため

Cơ quan đăng ký không có tư cách pháp nhân nên chỉ có thể mở tài khoản cá nhân chứ không thể mở tài khoản với tư cách cơ quan

☐ 機関の収入とみなされ、多額の税金がかかるため

Tiền tài trợ sẽ được coi là thu nhập của cơ quan và phải chịu mức thuế cao.

☐ その他 Khác

(

)

※国際交流基金は助成金を申請機関の銀行口座に直接送金できなければ、原則として採用することができません。但し、やむを得ない理由により、助成金受け取り口座を開設することができない場合は、申請機関所属者または関係者の個人口座へ受け取りの委任ができれば、この限りではありません。上記の質問は助成金送金の可否及び助成案件としての採否を決定するために必要な質問ですので、必ず答えてください。未回答の場合は、採用できません。

Về nguyên tắc, Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản không thể xét chọn hồ sơ đăng ký nếu không thể trực tiếp chuyển tiền tài trợ vào tài khoản ngân hàng của cơ quan đăng ký. Tuy nhiên, trong trường hợp không thể mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền tài trợ với lý do bất khả kháng, nếu có thể ủy thác cho tài khoản cá nhân của người thuộc cơ quan đăng ký hoặc người có liên quan thì không nhất thiết phải áp dụng quy định này. Những câu hỏi trên là cần thiết để quyết định khả năng gửi tiền tài trợ và có thông qua việc cấp tài trợ hay không. Nếu không trả lời, hồ sơ đăng ký sẽ không được chấp nhận.

- (3) 口座情報 Tài khoản ngân hàng

銀行名（ベトナム語名） Tên ngân hàng (tiếng Việt)	口座通貨 Đơn vị tiền tệ của tài khoản
支店名 Tên chi nhánh	支店住所 Địa chỉ chi nhánh
口座番号 Số tài khoản	
口座名義人 Chủ tài khoản	
口座名義人住所 Địa chỉ chủ tài khoản	

※ 送金口座が申請機関名義でない場合には、申請機関からの助成金受け取りの委任状が必要です。
Trong trường hợp tài khoản trên không mang tên cơ quan đăng ký, cơ quan đăng ký cần nộp kèm giấy ủy thác nhận tiền tài trợ.

2. 送金通貨 Đơn vị tiền tệ sử dụng để chuyển tiền

VND